

Số: 765/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh sách người giám định tư pháp,
tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 19/TTr-STP ngày 12/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh sách người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Danh sách người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tư pháp;
 - Cục Hỗ trợ tư pháp - BTP;
 - Cục Công tác phía Nam - BTP;
 - TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Ban Nội chính Tỉnh ủy;
 - Tòa án nhân dân tỉnh;
 - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
 - Công an tỉnh;
 - Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, Công TTĐT tỉnh, THNC.
- <Maibnt.QD.T3>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 18 / 3 / 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi công tác hoặc nơi cư trú	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Ghi chú
1	Phạm Long Thắng	17/02/1961	Bệnh viện ĐK Đồng Nai	Pháp y	Có 18 năm kinh nghiệm	
2	Nguyễn Hoàng Trung	26/10/1967	Bệnh viện ĐK Đồng Nai	Pháp y	Có 18 năm kinh nghiệm	
3	Ngô Đức Tuấn	15/01/1965	Bệnh viện ĐK Đồng Nai	Pháp y	Có 13 năm kinh nghiệm	
4	Phan Thị Kim Thư	22/4/1965	Bệnh viện ĐK Đồng Nai	Pháp y	Có 13 năm kinh nghiệm	
5	Nguyễn Phúc Hiền	02/01/1971	Bệnh viện ĐK Đồng Nai	Pháp y	Có 13 năm kinh nghiệm	
6	Tổng Tiến Thanh	24/02/1960	Bệnh viện ĐK Đồng Nai	Pháp y	Có 13 năm kinh nghiệm	
7	Đông Minh Hùng	13/5/1970	Bệnh viện ĐK Đồng Nai	Pháp y	Có 09 năm kinh nghiệm	
8	Nguyễn Gió	15/5/1981	Trung tâm pháp y	Pháp y	Có 18 năm kinh nghiệm	
9	Võ Thanh Hòa	03/3/1983	Trung tâm pháp y	Pháp y	Có 08 năm kinh nghiệm	
10	Trần Văn Hoàng	20/02/1961	Trung tâm pháp y	Pháp y	Có 03 năm kinh nghiệm	
11	Nguyễn Trí Thắng	20/10/1982	Trung tâm pháp y	Pháp y	Có 02 tháng kinh nghiệm	

12	Tạ Bá Huyền	18/11/1991	Phòng PC09, Công an tỉnh	Pháp y	Có 03 năm kinh nghiệm	
13	Huỳnh Văn Là	11/3/1963	Phòng PC09, Công an tỉnh	Dấu vết cơ học; đường vân	Có 26 năm kinh nghiệm lĩnh vực dấu vết cơ học; 12 năm kinh nghiệm lĩnh vực đường vân	
14	Phạm Thị Kim Nhung	09/9/1969	Phòng PC09, Công an tỉnh	Dấu vết đường vân; dấu vết cơ học	Có 13 năm kinh nghiệm lĩnh vực đường vân; 03 năm kinh nghiệm lĩnh vực dấu vết cơ học	
15	Trần Vĩnh Trung	22/12/1971	Phòng PC09, Công an tỉnh	Cháy nổ; hóa học	Có 10 năm kinh nghiệm lĩnh vực cháy nổ; 16 năm kinh nghiệm lĩnh vực hóa học	
16	Trần Minh Hùng	15/7/1967	Phòng PC09, Công an tỉnh	Tài liệu	Có 25 năm kinh nghiệm	
17	Lê Phúc Bảo	04/10/1974	Phòng PC09, Công an tỉnh	Tài liệu	Có 13 năm kinh nghiệm	
18	Cao Đình Chung	27/5/1974	Phòng PC09, Công an tỉnh	Hóa học	Có 18 năm kinh nghiệm	
19	Trần Lương Đức	18/10/1973	Phòng PC09, Công an tỉnh	Pháp y; sinh học	Có 10 năm kinh nghiệm lĩnh vực pháp y; 10 năm kinh nghiệm lĩnh vực sinh học	
20	Trần Xuân Sơn	12/5/1983	Phòng PC09, Công an tỉnh	Tài liệu; dấu vết cơ học	Có 11 năm kinh nghiệm lĩnh vực tài liệu; 11 năm kinh nghiệm lĩnh vực dấu vết cơ học	

21	Hoàng Vĩnh Phương	30/9/1986	Phòng PC09, Công an tỉnh	Tài liệu; dấu vết đường vân	Có 08 năm kinh nghiệm lĩnh vực tài liệu; 08 năm kinh nghiệm lĩnh vực đường vân	
22	Phạm Thị Thanh Nhân	11/11/1982	Phòng PC09, Công an tỉnh	Hóa học	Có 11 năm kinh nghiệm	
23	Phạm Thị Hương Mai	05/11/1984	Phòng PC09, Công an tỉnh	Hóa học	Có 11 năm kinh nghiệm	
24	Phạm Quốc Tiệp	26/5/1979	Phòng PC09, Công an tỉnh	Dấu vết cơ học	Có 06 năm kinh nghiệm	
25	Trần Thanh Hà	27/10/1961	57/17/10 khu phố 5, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Pháp y	Có 25 năm kinh nghiệm	
26	Nguyễn Chi Hiệu	19/8/1961	5F tổ 22, khu phố 1, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Dấu vết đường vân	Có 26 năm kinh nghiệm	
27	Lê Minh Nghĩa	18/8/1961	B12, tổ 5, khu phố 2, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Dấu vết cơ học; súng đạn	Có 09 năm kinh nghiệm lĩnh vực dấu vết cơ học; 09 năm kinh nghiệm lĩnh vực súng đạn	
28	Huỳnh Văn Kiệt	30/12/1967	Công an huyện Nhơn Trạch	Dấu vết cơ học	Có 06 năm kinh nghiệm	
29	Bùi Thế Hùng	23/10/1961	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 13 năm kinh nghiệm	
30	Nguyễn Hữu Tý	03/11/1960	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 09 năm kinh nghiệm	

31	Nguyễn Thành Quang	30/12/1962	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 23 năm kinh nghiệm	
32	Nguyễn Thành Công	01/7/1965	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 10 năm kinh nghiệm	
33	Trần Hữu Hà	13/12/1966	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 08 năm kinh nghiệm	
34	Lê Văn Hùng	03/11/1971	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 08 năm kinh nghiệm	
35	Phạm Công Hòa	16/02/1967	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 02 năm kinh nghiệm	
36	Nguyễn Văn Thành	08/10/1974	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 02 năm kinh nghiệm	
37	Lý Thị Hoài Nam	15/10/1971	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 02 năm kinh nghiệm	
38	Đặng Quốc Tuyên	25/10/1967	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 02 năm kinh nghiệm	
39	Nguyễn Văn Trọng	18/8/1985	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 01 năm kinh nghiệm	
40	Bùi Thị Diệu Bình	11/11/1984	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 01 năm kinh nghiệm	
41	Nguyễn Thị Huyền	15/5/1983	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 01 năm kinh nghiệm	
42	Nguyễn Thị Ngọc Trang	09/12/1983	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có 01 năm kinh nghiệm	

43	Trần Sỹ Biên	13/02/1984	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý chất lượng sản phẩm nông lâm sản và thủy sản	Có 11 năm kinh nghiệm	
44	Vũ Hà Linh Giang	17/4/1966	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	Có 34 năm kinh nghiệm	
45	Nguyễn Ngọc Phương	28/4/1983	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	Có 12 năm kinh nghiệm	
46	Hồ Minh Trung	12/01/1968	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủy sản	Có 24 năm kinh nghiệm	
47	Nguyễn Công Thành	05/02/1971	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chăn nuôi và Thú y	Có 22 năm kinh nghiệm	
48	Trần Phương Thảo	02/02/1982	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thực ăn chăn nuôi	Có 11 năm kinh nghiệm	
49	Bùi Minh Tân	12/12/1967	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	Có 31 năm kinh nghiệm	
50	Hà Khắc Sơn	01/11/1963	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp	Có 36 năm kinh nghiệm	
51	Đặng Tấn Dũng	02/01/1969	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	Có 05 năm kinh nghiệm	
52	Nguyễn Đăng Khoa	01/02/1963	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	Có 04 năm kinh nghiệm	
53	Đặng Đình Đạt	20/01/1980	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	Có 04 năm kinh nghiệm	
54	Huỳnh Huy Bảo	10/02/1978	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải	Có 05 năm kinh nghiệm	
55	Phạm Phú Lâm	20/6/1969	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải	Có 10 năm kinh nghiệm	

56	Nguyễn Hùng Vỹ	20/8/1979	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải	Có 12 năm kinh nghiệm	
57	Nguyễn Công Đáng	03/12/1973	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Có 04 năm kinh nghiệm	
58	Nguyễn Sơn Hải	28/02/1978	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải	Có 12 năm kinh nghiệm	
59	Nguyễn Hoàng Dũng	13/7/1976	Sở Giao thông vận tải	Phương tiện vận tải	Có 12 năm kinh nghiệm	
60	Trần Minh Lợi	25/01/1983	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Có 02 năm kinh nghiệm	
61	Nguyễn Thế Thái	28/6/1980	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Có 02 năm kinh nghiệm	
62	Huỳnh Ngọc Bảo Thủy	25/01/1981	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Có 02 năm kinh nghiệm	
63	Bá Quang Rol	13/3/1981	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Có 01 năm kinh nghiệm	
64	Nguyễn Văn Đông	25/8/1981	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Có 01 năm kinh nghiệm	
65	Nguyễn Minh Trung	03/3/1979	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Có 01 năm kinh nghiệm	
66	Phạm Ngọc Tuấn	12/3/1977	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Có 01 năm kinh nghiệm	
67	Nguyễn Trần Duy Ngọc	04/01/1984	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Có 01 năm kinh nghiệm	
68	Nguyễn Hòa Thuận	24/8/1963	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 30 năm kinh nghiệm	

69	Lê Ngọc Huân	11/01/1972	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 21 năm kinh nghiệm	
70	Nguyễn Đồng Thương	06/5/1972	Sở Thông tin và Truyền thông	Viễn thông	Có 24 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; 04 năm kinh nghiệm hoạt động giám định tư pháp	
71	Bùi Thị Lê Lan	16/8/1981	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo chí	Có 09 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; 04 năm kinh nghiệm hoạt động giám định tư pháp	
72	Trần Minh Tân	05/8/1980	Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin	Có 16 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; 04 năm kinh nghiệm hoạt động giám định tư pháp	
73	Nguyễn Hoàng Chương	09/10/1989	Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin	Có 06 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
74	Trần Thị Hương Giang	14/12/1972	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo chí - Xuất bản; thông tin cơ sở	Có 20 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
75	Nguyễn Thị Hà Giang	03/12/1982	Sở Thông tin và Truyền thông	Kỹ thuật điện tử	Có 05 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	

76	Hồ Nhật Dương Hiếu	10/3/1983	Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin	Có 12 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
77	Tạ Thị Nguyễn Hương	09/10/1973	Sở Thông tin và Truyền thông	Phát thanh truyền hình; thông tin điện tử	Có 12 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
78	Phạm Văn Huyền	20/10/1972	Sở Thông tin và Truyền thông	Kỹ thuật điện điện tử	Có 24 năm kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn	
79	Nguyễn Thị Hồng Liên	23/6/1981	Sở Thông tin và Truyền thông	Điện tử viễn thông	Có 14 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
80	Trương Văn Thịnh	02/6/1984	Sở Thông tin và Truyền thông	Công nghệ thông tin	Có 09 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
81	Đặng Việt Thắng	05/9/1965	Sở Tài chính	Tài chính	Có 29 năm kinh nghiệm	
82	Đặng Đình Hải	05/6/1965	Sở Tài chính	Tài chính	Có 28 năm kinh nghiệm	
83	Trần Quốc Trung	13/7/1966	Sở Tài chính	Tài chính	Có 25 năm kinh nghiệm	
84	Phạm Quốc Kiên	04/5/1971	Cục Thuế tỉnh	Thuế	Có trên 10 năm kinh nghiệm	
85	Vũ Anh Cường	09/9/1968	Cục Thuế tỉnh	Thuế	Có trên 10 năm kinh nghiệm	
86	Nguyễn Quốc Phong	17/12/1978	Cục Thuế tỉnh	Thuế	Có trên 10 năm kinh nghiệm	

87	Lê Xuân Trường	08/02/1965	Sở Khoa học và Công nghệ	Khoa học công nghệ; sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử	Có 26 năm kinh nghiệm	
88	Nguyễn Công Khánh	18/8/1983	Sở Khoa học và Công nghệ	Khoa học công nghệ	Có 11 năm kinh nghiệm	
89	Đoàn Hùng Minh	13/11/1979	Sở Khoa học và Công nghệ	Khoa học công nghệ	Có 15 năm kinh nghiệm	
90	Huỳnh Hoàng Tân	07/10/1981	Sở Khoa học và Công nghệ	Khoa học công nghệ	Có 13 năm kinh nghiệm	
91	Nguyễn Thị Giang	13/11/1984	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa phẩm	Có 09 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; 01 năm 08 tháng kinh nghiệm hoạt động giám định tư pháp	
92	Lưu Văn Du	31/12/1959	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa phẩm	Có 41 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; 11 năm kinh nghiệm hoạt động giám định tư pháp	
93	Huỳnh Kim Hòa	08/10/1960	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 27 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
94	Trần Quang Khải	13/6/1969	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 25 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
95	Tạ Văn Cương	04/02/1982	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 10 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	

96	Trương Quốc Cường	04/11/1974	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 19 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
97	Mai Tấn Lộc	05/8/1978	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 16 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
98	Bùi Xuân Thu	06/7/1973	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 10 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
99	Tạ Văn Cường	02/02/1978	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 14 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
100	Phùng Thị Ngọc Thảo	19/10/1976	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 19 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
101	Nguyễn Văn Đức	03/9/1961	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 29 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
102	Từ Văn Nghệ	04/5/1970	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 28 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
103	Dương Thành Trọng	05/3/1977	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 19 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
104	Nguyễn Văn Quyền	06/10/1973	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 20 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
105	Nguyễn Văn Hải	06/10/1960	Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Công thương	Có 29 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	
106	Lê Xuân Hưởng	17/11/1977	Ngân hàng NN Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đồng Nai	Ngân hàng	Có 09 năm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn	

II. DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi công tác hoặc nơi cư trú	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thọ	13/4/1948	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có trên 25 năm kinh nghiệm	
2	Lương Hữu Thông	05/6/1948	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có trên 25 năm kinh nghiệm	
3	Nguyễn Khoa Bằng	01/10/1960	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có khoảng 04 năm kinh nghiệm	
4	Nguyễn Xuân Lợi	11/01/1966	Bệnh viện tâm thần Trung ương II	Pháp y tâm thần	Có khoảng 04 năm kinh nghiệm	
5	Đường Khắc Tâm	06/3/1953	Bệnh viện tâm thần Trung ương II	Pháp y tâm thần	Có trên 20 năm kinh nghiệm	
6	Nguyễn Văn Hòa	05/02/1952	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa	Pháp y tâm thần	Có khoảng 04 năm kinh nghiệm	
7	Phan Thành An	21/6/1973	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 20 năm kinh nghiệm	
8	Nguyễn Vũ Hà	15/6/1977	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 19 năm kinh nghiệm	
9	Lê Thị Hoài Nam	23/11/1974	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 20 năm kinh nghiệm	
10	Đoàn Tuấn Phong	02/6/1983	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 14 năm kinh nghiệm	

11	Lê Văn Tuấn	15/02/1978	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 19 năm kinh nghiệm	
12	Nguyễn Tín Trung	28/5/1978	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 13 năm kinh nghiệm	
13	Nguyễn Thanh Thảo	10/10/1978	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 17 năm kinh nghiệm	
14	Bùi Xuân Dương	05/8/1979	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 15 năm kinh nghiệm	
15	Huỳnh Tuấn Khanh	25/02/1974	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 21 năm kinh nghiệm	
16	Trần Ngọc Quyên	13/9/1973	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 17 năm kinh nghiệm	
17	Trịnh Thị Kim Phụng	04/12/1981	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 17 năm kinh nghiệm	
18	Trần Thanh Vũ	03/5/1979	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định, Sở Xây dựng	Xây dựng	Có 13 năm kinh nghiệm	

III. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP

Sst	Tên tổ chức	Số, ngày, tháng, năm thành lập	Địa chỉ tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	
1	Trung tâm Pháp y - Sở Y tế	Quyết định số 3811/2005/QĐ - UBND ngày 04/11/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số 22, Nguyễn Hiền Vương, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ĐT: 0251.3816665	Pháp y	- Giám định thương tật, xâm hại tình dục, độ tuổi. - Khám nghiệm tử thi. - Xét nghiệm mô bệnh học. - Giám định hồ sơ tử thi và thương tật.	
2	Phòng Kỹ Thuật hình sự - Công an tỉnh	Quyết định số 21/QĐ-BNV ngày 06/3/1984 của Bộ Nội vụ	Số 47, Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. ĐT: 069.3480191	Kỹ thuật hình sự	Đơn vị có 35 năm hoạt động giám định tư pháp CAND trên các lĩnh vực như: Giám định dấu vết đường vân, dấu vết cơ học, tài liệu, cháy nổ, kỹ thuật, hóa học và pháp y	
3	Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa - Bộ Y tế	Quyết định số 1836/QĐ-TTg ngày 29/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Số 1310A, Nguyễn Ái Quốc, khu phố 7, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Pháp y tâm thần	Thực hiện chức năng giám định pháp y tâm thần	

IV. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Stt	Tên tổ chức	Số, ngày, tháng, năm thành lập	Địa chỉ tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Ghi chú
1	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định Xây dựng Đồng Nai, Sở Xây dựng Đồng Nai, Sở Xây dựng (Tên cũ trên trang Web: Trung tâm Kiểm định và Tư vấn XD Đồng Nai)	Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai	Số 38, Phan Chu Trinh, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ĐT: 0251.3846193 Fax: 0251.3840861	Giám định tư pháp các lĩnh vực xây dựng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật (theo NĐ số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016)	Tổ chức giám định tư pháp: 06 năm, thông tin được công bố trên trang Web Bộ Xây dựng về tổ chức kiểm định và giám định tư pháp từ năm 2015; hoạt động tư vấn Xây dựng DD-CN: 13 năm	Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định Xây dựng Đồng Nai, Sở Xây dựng được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 Trung tâm thuộc Sở Xây dựng trong đó có Trung tâm Giám định chất lượng Xây dựng, tiền thân là Trung tâm Kiểm định Xây dựng Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 2678/QĐ-CT.UBT ngày 30/06/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp